

Số: 382/KH-GDDT

Quận 5, ngày 19 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2019 - 2020

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 về sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo

viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở Giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tuyển và phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc bãi bỏ một phần văn bản Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND;

Căn cứ Hướng dẫn số 1511/HD-SNV ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Sở Nội vụ thực hiện quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND-M ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 5 về phân bổ số lượng người làm việc cho đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019.

Xét nhu cầu tuyển dụng viên chức của các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5;

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2019 - 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 đảm bảo chất lượng và số lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

Người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

II. NGUYÊN TẮC TUYỂN DỤNG

1. Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đã được duyệt.

2. Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

3. Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

4. Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển. Các trường hợp khai man, giả mạo hồ sơ sẽ bị hủy kết quả tuyển dụng và xử lý theo quy định của pháp luật. Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

5. Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm, nếu đăng ký dự tuyển từ 02 vị trí việc làm trở lên trong cùng một đợt xét tuyển sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển. Hồ sơ và lệ phí đăng ký dự tuyển sẽ không hoàn trả lại sau khi đã đăng ký tham gia dự tuyển.

6. Hội đồng tuyển dụng viên chức có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và chịu trách nhiệm về việc từ chối tiếp nhận hồ sơ.

III. THỰC TRẠNG TRƯỜNG, LỚP, ĐỘI NGŨ VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG

Năm học 2019 - 2020, khối sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo Quận 5 có 46 đơn vị gồm: 21 trường Mầm non, 16 trường Tiểu học, 06 trường Trung học cơ sở và 03 sự nghiệp giáo dục khác (*Trường Chuyên biệt Tương Lai, Trường Bồi dưỡng Giáo dục, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*).

Tình hình đội ngũ viên chức năm học 2018 - 2019 như sau:

1. Bậc Mầm non:	21 trường
Tổng số CB-GV-NV:	732
Tổng số lớp:	212
Tổng số học sinh:	6.713
2. Bậc Tiểu học:	16 trường
Tổng số CB-GV-NV:	826
Tổng số lớp:	442
Tổng số học sinh:	16.337
3. Bậc Trung học cơ sở:	06 trường
Tổng số CB-GV-NV:	658
Tổng số lớp:	312
Tổng số học sinh:	12.704
4. Trường Chuyên biệt Tương Lai:	
Tổng số CB-GV-NV:	26
Tổng số lớp:	14
Tổng số học sinh:	120

Căn cứ quy mô trường lớp, nhu cầu đội ngũ viên chức của các trường và trên cơ sở thực trạng số lượng người làm việc hiện có trong các đơn vị và tổng

số lượng người đã và sẽ nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển công tác trong năm học 2018 - 2019, nhu cầu tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2019 - 2020 là **117** viên chức với các chức danh nghề nghiệp, cụ thể như sau:

* Chức danh nghề nghiệp: Giáo viên mầm non hạng IV; Mã số: V.07.02.06 là **20** giáo viên, trong đó:

- Giáo viên mầm non: 15 người;
- Giáo viên dạy trẻ chậm phát triển trí tuệ: 05 người.

* Chức danh nghề nghiệp: Giáo viên tiểu học hạng IV; Mã số: V.07.03.09 là **64** giáo viên, trong đó:

- Giáo viên tiểu học dạy nhiều môn: 33 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Thể dục: 03 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Âm nhạc: 02 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Mỹ thuật: 02 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Anh: 12 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Tiếng Hoa: 01 giáo viên;
- Giáo viên tiểu học dạy môn Tin học: 07 giáo viên;
- Giáo viên Tổng phụ trách Đội: 04 giáo viên.

* Chức danh nghề nghiệp: Giáo viên THCS hạng III; Mã số: V.07.04.12 là **26** giáo viên, trong đó:

- Giáo viên dạy môn Ngữ văn: 03 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Lịch sử: 04 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Địa lý: 01 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Toán học: 04 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Tiếng Anh: 07 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Sinh học: 01 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Kỹ thuật Nông nghiệp: 01 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Thể dục: 02 giáo viên;
- Giáo viên dạy môn Mỹ thuật: 03 giáo viên.

* Chức danh nghề nghiệp: Thư viện viên hạng IV; Mã số: V.10.02.07 là **07** viên chức, trong đó:

- Nhân viên thư viện trường Tiểu học: 05 người;
- Nhân viên thư viện trường Trung học cơ sở: 02 người.

(Đính kèm các Phụ lục 1,2,3)

IV. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng dự tuyển: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

2. Đối tượng không được đăng ký tham gia dự tuyển:

Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3. Điều kiện dự tuyển theo vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, cụ thể:

3.1. Người dự tuyển vị trí giáo viên phải đạt trình độ chuẩn theo quy định, cụ thể:

a) Vị trí Giáo viên bậc học mầm non:

Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên.

Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

b) Vị trí Giáo viên bậc học tiểu học:

Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm tiểu học hoặc trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.

Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

* Đối với Giáo viên dạy Ngoại ngữ thì trình độ Ngoại ngữ thứ hai phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

c) Vị trí Giáo viên bậc học trung học cơ sở:

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở.

Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Đối với Giáo viên dạy Ngoại ngữ thì trình độ Ngoại ngữ thứ hai phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

d) Vị trí Giáo viên Tổng phụ trách Đội:

Đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Đã được đào tạo nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Đội.

Có năng lực phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi.

d) Vị trí nhân viên Thư viện:

Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

Có trình độ ngoại ngữ theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa thể thao du lịch - Bộ Nội vụ và Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

3.2. Quy định về chuyển tiếp:

Trình độ Ngoại ngữ: Thực hiện Công văn số 6098/BGD-GDTX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định giá trị Chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C tương đương với Khung tham chiếu Châu Âu 6 bậc và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1637/GDDT-TC ngày 27 tháng 5 năm 2016, quy định cấp độ tương đương như sau:

- Trình độ A: tương đương Bậc 1 (A1) khung châu Âu.
- Trình độ B: tương đương Bậc 2 (A2) khung châu Âu.
- Trình độ C: tương đương Bậc 3 (B1) khung châu Âu.

Trình độ Tin học: Đối với các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2016 vẫn được tiếp tục thực hiện, cấp chứng chỉ cho đến khi kết thúc. Các chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản. (Đính kèm Phụ lục 4)

V. HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức tuyển dụng:

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển: Căn cứ trên Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức, hồ sơ dự tuyển và kết quả sát hạch (thông qua hình thức phỏng vấn).

Dự kiến lệ phí xét tuyển: 400.000 đồng/ứng viên (Căn cứ theo quy định hiện hành tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tuyển và phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức).

2. Nội dung tuyển dụng:

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, thí sinh được thông báo triệu tập tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Thang điểm phỏng vấn: được tính theo thang điểm 100.

4. Thời gian phỏng vấn: Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ.

5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

Có kết quả điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;

Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn này cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

6. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.

Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.

Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức

trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

VI. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC:

Việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức do cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 6, Mục I, Chương II, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

VII. TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức (theo mẫu) tại nơi tiếp nhận đăng ký tham gia dự tuyển kèm theo các thành phần hồ sơ chứng minh sự phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí dự tuyển, cụ thể:

1. Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

2. Bản sao các Văn bằng, Chứng chỉ (Tin học, Ngoại ngữ, ...), kết quả học tập toàn khóa theo yêu cầu của vị trí dự tuyển được chứng thực hoặc đối chiếu bản chính theo quy định;

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng;

3. Bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân, Sổ hộ khẩu thường trú/ tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh;

4. Giấy chứng nhận sức khỏe, có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe;

5. Bản sao Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực hoặc đối chiếu bản chính theo đúng quy định.

6. Đối với thí sinh có quá trình công tác trước đây đúng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có tham gia Bảo hiểm xã hội thì nộp bổ sung hồ sơ chứng minh quá trình công tác. Nếu thí sinh trúng tuyển thì đơn vị tiếp nhận sẽ xem xét miễn thực hiện chế độ tập sự đối với thí sinh khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, hồ sơ bao gồm:

a) Bản sao Quyết định chấp thuận thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc tại cơ quan, đơn vị cũ;

b) Bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội hoặc tờ rời ghi rõ quá trình đóng Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội (*Đúng theo chức danh nghề nghiệp tham gia dự tuyển*).

c) Bản sao các Quyết định lương và phụ cấp thâm niên hiện hưởng.

VIII. QUY TRÌNH, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

Mỗi Thí sinh chỉ được đăng ký một lần với số Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của cá nhân, thí sinh lưu giữ cẩn thận hồ sơ và biên lai đóng lệ phí dự tuyển.

Thí sinh tham gia dự tuyển sử dụng mã số đăng ký và số Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân để điền đầy đủ thông tin trên Phiếu đăng ký dự tuyển và chịu trách nhiệm về những thông tin đăng ký theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển dụng.

1. Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 đăng Thông báo tuyển dụng viên chức trên Báo Tuổi Trẻ và đăng tải các thông tin liên quan trên Website của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://www.pgdquan5.hcm.edu.vn>. Đồng thời, Thông báo sẽ được niêm yết tại Phòng Giáo dục và Đào tạo địa chỉ số 203 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5.

2. Người dự tuyển mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân khi đến đăng ký dự tuyển và đóng lệ phí 400.000 đồng/người tại Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, liên hệ bộ phận Văn phòng trong giờ hành chính bắt đầu từ ngày **21/6/2019** đến hết ngày **20/7/2019**.

3. Người dự tuyển điền thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức. Sau đó, người dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển và 01 bộ hồ sơ theo quy định (*Kèm theo bản chính để đối chiếu*) tại Văn phòng - Phòng Giáo dục và Đào tạo đến hết ngày **20/7/2019**.

4. Ngày 25 tháng 7 năm 2019, Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển Vòng 2 trên Website, ngoài ra ứng viên có thể xem thông báo tại Phòng Giáo dục và Đào tạo (*Địa chỉ số 203 An Dương Vương Phường 8 Quận 5*) hoặc liên hệ bộ phận Văn phòng trong giờ hành chính.

5. Thời gian tổ chức phỏng vấn dự kiến ngày **30/7/2019** đến ngày **31/7/2019**.

6. Địa điểm tổ chức phỏng vấn: **Trường Bồi dưỡng Giáo dục Quận 5**, Địa chỉ: số 02A Trần Hòa Phường 10 Quận 5.

7. Thời gian công bố kết quả: Dự kiến ngày **05/8/2019**.

8. Thời gian cấp giấy giới thiệu nhận nhiệm sở: Dự kiến ngày **06/8/2019**.

9. Thời gian nhận nhiệm sở: Dự kiến ngày **08/8/2019**.

*** Lưu ý:**

- Yêu cầu ứng viên đăng ký dự tuyển phải thường xuyên theo dõi để biết thông tin về tuyển dụng tại địa chỉ Website của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 địa chỉ: <http://www.pgdquan5.hcm.edu.vn>

- Ứng viên đã trúng tuyển phải đi trình diện nhận nhiệm sở nếu không trình diện sẽ không được dự tuyển ở các đợt tuyển dụng sau.

- Ứng viên trúng tuyển, nhận nhiệm sở được xem xét xếp lương tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại:

+ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 đối với giáo viên mầm non;

+ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 đối với giáo viên tiểu học;

+ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 đối với giáo viên trung học cơ sở;

+ Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở Giáo dục phổ thông công lập;

+ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thư viện;

IX. PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Niêm yết và thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 5 và Phòng Giáo dục và Đào tạo, đăng tải thông tin tuyển dụng trên phương tiện thông tin truyền thông theo quy định tại Điều 15 Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018.

Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức.

Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Quận thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc năm học 2019 - 2020.

2. Thủ trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường Chuyên biệt Tương Lai có nhu cầu tuyển dụng viên chức:

Niêm yết công khai Thông báo tuyển dụng viên chức tại đơn vị.

Thực hiện nhiệm vụ sự theo phân công của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng.

Chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ của người trúng tuyển theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nội vụ về sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 trước khi ký hợp đồng làm việc.

3. Hội đồng tuyển dụng viên chức:

Tổng hợp, niêm yết danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển.

Thành lập các ban giúp việc (Ban kiểm tra, sát hạch).

Tổ chức kiểm tra, sát hạch.

Thông báo kết quả xét tuyển.

Tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Quận 5 phê duyệt kết quả và thông báo kết quả tuyển dụng cho người dự tuyển theo quy định.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tuyển theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2019 - 2020 đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT.UBND/Q5;
- PCT-VX.UBND/Q5;
- P.Nội vụ/Q5;
- Các trường MN, TH, THCS/Q5;
- Trường CB Tương Lai/Q5;
- Lưu: VT. PGDĐT (1b). C.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thanh Hải



PHỤ LỤC 1

**NEHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2019 - 2020
KHỐI MẦM NON**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 382/KH-GDDT ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Tổng số nhân sự đơn vị		Ghi chú
			Số Giáo viên hiện có tính đến 31/5/2019	Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	
	TỔNG CỘNG:	117	221	20	
1	Mầm non 1	13	25	1	
2	Mầm non 3	9	14	2	
3	Mầm non 6	6	11	2	
4	Mầm non 10	12	26	1	
5	Mầm non 11	10	19	1	
6	Mầm non 12	11	21	1	
7	Mầm non 13	9	18	1	
8	Mầm non 14B	5	14	1	
9	Mầm non Hòa Mi 3	17	37	3	
10	Mầm non Sơn Ca	11	22	2	
11	Trường Chuyên biệt Tương Lai	14	14	5	Giáo viên dạy trẻ chậm phát triển trí tuệ

PHỤ LỤC 2

**NEHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2019 - 2020
KHỐI TIỂU HỌC**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 382/KH-GDDT ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số Giáo viên hiện có	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên	Nhu cầu tuyển dụng viên chức								
					Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên TDDT	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tiếng Hoa	Giáo viên Tin học	GV TPT Đội	Thư viện viên
	TỔNG CỘNG:	442	587	64	33	3	2	2	12	1	7	4	5
1	Hàm Tử	24	33	4	4								
2	Trần Bình Trọng	30	43	3	2							1	
3	Huỳnh Mẫn Đạt	19	26	4	1				2			1	1
4	Bàu Sen	31	43	4	2	1					1		
5	Lê Văn Tám	14	19	1					1				
6	Chương Dương	21	28	5	3				1			1	
7	Huỳnh Kiến Hoa	22	28	3	1				1	1			
8	Phạm Hồng Thái	25	37	2	1				1				1
9	Trần Quốc Toàn	24	32	2					1		1		
10	Lý Cảnh Hôn	18	22	5	3				1		1		1
11	Minh Đạo	53	70	5	4				1				
12	Chính Nghĩa	49	62	5	1		1	1			2		
13	Nguyễn Viết Xuân	27	40	3				1	1		1		
14	Lê Đình Chinh	28	38	5	2	1			1		1		1
15	Nguyễn Đức Cảnh	30	38	6	3	1	1		1				
16	Hùng Vương	27	28	7	6							1	1



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2019 - 2020 KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 382/KH-GDDT ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số Giáo viên hiện có	Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	Nhu cầu tuyển dụng viên chức									
					Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Lịch sử	Giáo viên Địa lý	Giáo viên Toán học	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Sinh học	Giáo viên Kỹ thuật Nông nghiệp	Giáo viên Thể dục	Giáo viên Mỹ thuật	Thư viện viên
	TỔNG CỘNG:	312	580	26	3	4	1	4	7	1	1	2	3	2
1	Ba Đình	44	88	2					2					1
2	Kim Đồng	53	93	5	1	1		1					2	1
3	Lý Phong	36	69	1					1					
4	Mạch Kiềm Hùng	37	57	7	2	1	1	1	1		1			
5	Trần Bội Cơ	62	117	9		2		2	2			2	1	
6	Hồng Bàng	80	156	2					1	1				

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5

Phụ lục 4

LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 382/KH-GDDT ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5)

1. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tiếng Anh thực hành A, B, C;

Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành.

Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC;

Việc quy đổi chức chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT- BGDĐT	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh)									
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	IELTS	GE	BEC	BULATS	TOEFL			TOEIC
							PBT	CBT	iBT	
Bậc 1	A	A1								120
Bậc 2	B	A2		Preliminary KET		20			40	225
Bậc 3	C	B1	4 - 4.5	Preliminary PET	Business Preliminary	40	450	133	45	450
Bậc 4		B2	5 - 6	FCE	Business Vantage	60	500	173	61	600
Bậc 5		C1	6.5 - 7.5	CAE	Business Higher	75			90	850
Bậc 6		C2	8 - 9	CPE		90				

Khung NLNN 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N1	Topik I-L1
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2	JLPT N2	Topik I-L2
Bậc 3	TRKI I	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N3	Topik II-L3
Bậc 4	TRKI II	DELTA B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N4	Topik II-L4

Khung NLNN 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 5	TRKI III	DALF C1	/	HSK cấp 5	JLPT N5	Topik II-L5
Bậc 6	TRKI IV	DALF C2	/	HSK cấp 6	JLPT N6	Topik II-L6

Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

- Căn cứ Công văn số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (viết tắt là Công văn số 538/QLCL-QLVBCC), tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 08 đơn vị sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
3	Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
6	Trường Đại học Hà Nội
7	Trường Đại học Thái Nguyên
8	Trường Đại học Cần Thơ

2. Đối với chứng chỉ Tin học:

Căn cứ Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “bài thi IC3 đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản”.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”; Công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phối chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016”. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

Căn cứ Công văn số 538/QLCL-QLVBCC tính đến ngày 20/5/2019 chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ 176 đơn vị sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

STT	TÊN ĐƠN VỊ
3	Viện Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
5	Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
6	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
7	Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên
8	Trường Đại học Công nghệ thông tin truyền thông - Đại học Thái Nguyên
9	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên
10	Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
11	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
12	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
13	Trung tâm Phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
14	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
15	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
16	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
17	Trường Đại học Trà Vinh
18	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
19	Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
20	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
21	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh
22	Trường Đại học Công nghệ Quản lý Hữu nghị
23	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
24	Viện Đại học Mở Hà Nội
25	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
26	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên
27	Trường Đại học Cần Thơ
28	Trường Đại học Vinh
29	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
30	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
31	Trường Đại học Hòa Bình
32	Trường Đại học Lạc Hồng
33	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
34	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
35	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
36	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
37	Trường Đại học Tiền Giang
38	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An
39	Trường Đại học Tây Bắc
40	Trường Đại học Nội vụ
41	Trường Đại học Tây Nguyên
42	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
43	Trường Đại học Nha Trang
44	Học viện An ninh nhân dân
45	Học viện Cảnh sát nhân dân
46	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
47	Trường Đại học An Giang

STT	TÊN ĐƠN VỊ
48	Trường Đại học Thủ Dầu Một
49	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
50	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
51	Trường Đại học Thái Bình
52	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
53	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
54	Trường Đại học Nam Cần Thơ
55	Trường Đại học Hoa Lư
56	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông
57	Trường Đại học Hùng Vương
58	Trường Đại học Phan Thiết
59	Trường Đại học Trung Vương
60	Trường Đại học Hà Tĩnh
61	Trường Đại học Thành Đông
62	Trường Đại học Tài chính Marketing
63	Trường Đại học Thái Bình Dương
64	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ
65	Trường Đại học Sài Gòn
66	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
67	Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông)
68	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
69	Trường Đại học Bạc Liêu
70	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
71	Trường Đại học Đông Đô
72	Trường Đại học Kiên Giang
73	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
74	Trường Đại học An ninh nhân dân
75	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
76	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
77	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long
78	Trường Đại học Thủy lợi
79	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
80	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
81	Trường Đại học Duy Tân
82	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải
83	Trường Đại học Tân Trào
84	Trường Đại học Buôn Ma Thuột
85	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
86	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
87	Trường Đại học Phú Yên
88	Trường Đại học Tây Đô
89	Trường Đại học Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
90	Trường Đại học Quy Nhơn
91	Trường Đại học Trần Đại Nghĩa
92	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

STT	TÊN ĐƠN VỊ
93	Học viện Quản lý Giáo dục
94	Trường Đại học Thông tin liên lạc
95	Trường Đại học Nông lâm Huế
96	Trường Đại học Lao động xã hội (cơ sở 2)
97	Trường Đại học Cửu Long
98	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
99	Trường Đại học Đại Nam
100	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
101	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
102	Trường Đại học Đồng Nai
103	Trường Đại học Thương mại
104	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
105	Trường Đại học Công nghiệp Vinh
106	Trường Đại học Công đoàn
107	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
108	Trường Đại học Khánh Hòa
109	Học viện Ngân hàng
110	Trường Đại học Lâm nghiệp
111	Trường Đại học Hạ Long
112	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định
113	Trường Đại học Đồng Tháp
114	Học viện Tài chính
115	Trường Đại học Y Dược Thái Bình
116	Trường Đại học Đà Lạt
117	Học viện Kỹ thuật Quân sự
118	Trường Đại học Quốc tế Bắc Hà
119	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
120	Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa
121	Học viện Bưu chính viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh
122	Trường Đại học Văn Hiến
123	Trường Đại học Hải Phòng
124	Trường Đại học Bình Dương
125	Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
126	Trường Đại học Luật Hà Nội
127	Trường Đại học Hồng Đức
128	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
129	Trường Đại học Nguyễn Trãi
130	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên
131	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị
132	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình
133	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương
134	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình
135	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long
136	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
137	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang

STT	TÊN ĐƠN VỊ
138	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh
139	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận
140	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước
141	Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu
142	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên
143	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ
144	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau
145	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu
146	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định
147	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ
148	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang
149	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
150	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái
151	Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn
152	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên
153	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế
154	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai
155	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An
156	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng
157	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông
158	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
159	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình
160	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc
161	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
162	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang
163	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An
164	Sở Giáo dục và Đào tạo ĐắkLak
165	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang
166	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp
167	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum
168	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình
169	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai
170	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên
171	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương
172	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh
173	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
174	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La
175	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa
176	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam